

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÂM
TỈNH HUNG YÊN

Bản án số:05/2025/HS-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 13 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HUNG YÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Nam Thắng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Ngà**
Ông **Nguyễn Văn Kháng**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Phạm Thị Tươi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:* Bà **Đỗ Thị Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 Toà án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:181/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Văn T, sinh năm 1993; sinh quán: thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Nơi đăng ký HKTT: thôn L, xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn H và con bà Phan Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị T2 và bốn con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: chưa có. Bị cáo Đặng Văn T bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại: ông Nguyễn Tiến V, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Lê Thị T3, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn L, xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

Bà Phạm Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1990; địa chỉ: P, Khu đô thị E, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

4. Người làm chứng:

Ông Vương Đăng T4, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt

Bà Vũ Thị T5, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Bà Phan Thị T1, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn L, xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

Anh Vũ Mạnh C1, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2023, ông Nguyễn Tiến V và chị Nguyễn Thị T2, có quen biết và xin số điện thoại của nhau để liên hệ. Đến khoảng 21 giờ 00 ngày 20/7/2023, chị T2 sử dụng tài khoản Zalo “Nơi Tình Yêu Bắt Đầu” đăng ký bằng số điện thoại 0384.047.887 kết bạn với tài khoản Zalo “nguyentienvan” của ông V đăng ký bằng số điện thoại 0978.452.911 để nói chuyện với nhau. Đến khoảng cuối tháng 10/2023, Đặng Văn T là chồng chị T2 nghi ngờ chị T2 có quan hệ bên ngoài nên T sử dụng ứng dụng My V1 kiểm tra thì biết được số điện thoại của ông V. Sau đó, T dùng số điện thoại 0868.992.321 đăng ký tài khoản Zalo “Mãi yêu” giả danh chị T2 kết bạn và nhắn tin cho ông V nói từ nay chỉ nhắn tin liên hệ bằng Zalo này, tránh để T biết sự việc. Ông V lưu tài khoản Zalo này là “Tha TVSK”. Quá trình nhắn tin liên hệ Zalo, T (mạo danh là chị T2) và ông V thường xuyên nói chuyện về việc rủ nhau quan hệ tình dục.

Khoảng 16 giờ 30 ngày 11/11/2023, T nhắn tin Zalo với ông V với nội dung hẹn gặp ông V để quan hệ tình dục. Ông V đồng ý và thống nhất vào khoảng 19 giờ 00 cùng ngày, gặp nhau ở cánh đồng thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau đó, T gắn thiết bị định vị vào xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển số 89L1- 225.26. Do nghĩ là T2 nhắn tin nên khoảng 18 giờ 45 cùng ngày, ông V gọi điện thoại hẹn chị T2 ra cánh đồng thôn N, xã L thì chị T2 đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 00 cùng ngày, chị T2 nói với T là về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã L, huyện V thì T nói là đi cùng xe để T đi cắt tóc và tìm thợ làm gỗ. Sau đó, T đi vào nhà lấy ở nóc tủ quần áo trong phòng khách 01 chiếc gậy rút ba khúc bằng kim loại cất vào túi quần phía trước đang mặc rồi đi ra điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu vàng, biển số 89L1-

225.26 chở chị T2 đến ngã tư gần khu vực sân bóng thôn N thì T bảo chị T2 đi về nhà mẹ đẻ trước còn T tự đi tìm thợ làm gỗ. Lúc này, chị T2 không đi về nhà mẹ đẻ mà đi ra khu vực cánh đồng thôn N để gặp ông V. T sử dụng ứng dụng trên điện thoại kiểm tra thiết bị định vị thì thấy chị T2 đi ra cánh đồng thôn N nên T đi theo định vị đến vị trí của chị T2.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, ông V đi bộ mang theo 01 chiếc chiếu cói, màu đỏ đi đến khu vực đầu lối rẽ xuống cánh đồng thôn N đứng chờ rồi liên lạc điện thoại bảo chị T2 đến địa điểm đã hẹn. Chị T2 đi xe đến đầu lối rẽ xuống cánh đồng thôn N, thấy ông V thì chị T2 tiếp tục điều khiển xe đi về hướng cánh đồng nên ông V cũng đi bộ theo. Khi đi được khoảng 400m, chị T2 đỗ xe lại đợi ông V đi đến rồi ông V trải chiếu trên nền đường đất và cùng chị T2 ngồi xuống chiếu rồi cả hai cởi quần áo ra để quan hệ tình dục. Lúc này, T cũng đi đến cách vị trí chị T2 khoảng 10m, thấy bóng 02 người nhấp nhô và không thấy có tiếng người nói, không thấy tiếng la hét. T bật đèn Flash điện thoại Iphone 6S đi đến thì thấy ông V không mặc quần nằm úp ở phía trên, còn chị T2 đang nằm ở phía dưới, áo ni bên ngoài và áo ngực đã vén lên hở ngực; quần dài và quần lót đã được kéo tụt xuống mắt cá chân, hở phần thân dưới. Thấy vậy, T dùng gậy rút ba khúc vọt 01 phát theo chiều từ trên xuống dưới trúng vùng đầu ông V, ông V dùng tay ôm đầu thì tiếp tục bị T dùng gậy rút 03 khúc vọt 01 phát trúng tay trái. Sau đó, T chửi ông V và bảo chị T2 ra xe lấy dây chun để trói ông V thì ông V đứng dậy giăng co, cắn vào cổ tay trái của T rồi bỏ chạy về hướng thôn H, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên thì T đuổi theo dùng gậy rút vọt 1 - 2 phát vào người ông V và đập ông V ngã ra nền đất. Sau đó, ông V được đưa đi điều trị thương tích, còn T và chị T2 đi về nhà.

Ngày 12/11/2023, chị T2 có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đề nghị xử lý ông Nguyễn Tiến V về hành vi hiếp dâm. Còn ông Nguyễn Tiến V cũng có đơn yêu cầu khởi tố gửi Cơ quan điều tra Công an huyện V đề nghị xử lý đối với người gây thương tích cho ông. Ngày 29/11/2023, Đặng Văn T cũng có đơn gửi Cơ quan điều tra Công an huyện V yêu cầu khởi tố, đề nghị đi giám định đối với thương tích của mình.

Sau khi sự việc xảy ra, Công an xã L đã tiến hành xác định hiện trường phát hiện, thu giữ một số đồ vật có liên quan. Quá trình điều tra, Đặng Văn T đã giao nộp cho Công an xã L quản lý các đồ vật, gồm: 01 chiếc gậy bằng kim loại, bên ngoài bọc màu đen, hai đầu gậy màu vàng, bấm dính chất màu nâu đỏ, nghi là máu; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen, số IMEI 1: 860270049759978, số IMEI 2: 860270049759960, lắp sim số điện thoại 0868.992.321.

Sau khi bị thương, ông V được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, đến ngày 13/11/2023 ra viện, với thương tích: *“03 vết thương vùng đỉnh đầu. Xương cẳng tay trái: Gãy 1/3 dưới xương trụ và gãy mỏm trâm trụ trái. Chụp cắt lớp vi tính lồng*

ngực: hình ảnh gãy cung sau xương sườn X, XI bên trái. Chuẩn đoán: gãy xương cẳng tay, vết thương hở da đầu, tổn thương nhiều vùng cơ thể. Điều trị: phẫu thuật – thủ thuật: tại vùng đầu có 03 vết thương, trong đó có 02 vết thương kích thước khoảng 07cm và 01 vết thương kích thước khoảng 03cm; các vết thương bờ nhám nhỏ, đáy sâu, chảy máu; qua vết thương không thấy tổn thương xương sọ, cắt lọc, làm sạch, khâu lại vết thương; thuốc nội khoa, băng cố định cẳng tay”.

Đến ngày 14/11/2023, ông V tiếp tục vào Bệnh viện T6 điều trị đến 21/11/2023 thì ra viện, với chuẩn đoán: “gãy kín 1/3 dưới xương trụ trái, chấn thương ngực kín, gãy cung sau xương sườn 10 bên trái, vết thương rách da đầu vùng đỉnh.

Cơ quan CSĐT đã trưng cầu V2 - Bộ C3 giám định thương tích của ông V.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 1805/KL-KTHS ngày 29/3/2024 của V2 Bộ C3 đối với ông Nguyễn Tiến V, kết luận: Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể cho từng thương tích như sau:

Sẹo vùng giữa đỉnh, kích thước nhỏ: 01% (áp dụng Nguyên tắc 1 và Mục I.1, C2 8); Sẹo vùng đỉnh phải, kích thước nhỏ: 01% (áp dụng Nguyên tắc 1 và Mục I.1, C2 8); Sẹo vùng đỉnh trái, kích thước trung bình: 02% (áp dụng Nguyên tắc 1 và Mục I.2, C); Sẹo mổ mặt sau 2/3 dưới cẳng tay trái, kích thước trung bình: 02% (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.2, C); Gãy xương sườn X, XI: mỗi xương 02% (áp dụng Mục II.1, C2 3); Gãy xương trụ cẳng tay trái, không ảnh hưởng chức năng: 06% (áp dụng Mục IV.10.1, C2 7); Gãy mỏm trâm trụ trái, không ảnh hưởng chức năng: 06% (áp dụng Mục IV.12, Chương 7). Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Tiến V tại thời điểm giám định là 20%.

Tại bản kết luận giám định số 9054/KL-KTHS ngày 29/01/2024 của V2 Bộ C3 ra, kết luận: tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đặng Văn T tại thời điểm giám định là 01%. *Cơ chế hình thành thương tích:* Các tổn thương trên cơ thể của Đặng Văn T do vật tày gây ra.

Quá trình điều tra đến ngày 21/6/2024, T bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam của cơ quan điều tra.

Cáo trạng số: 01/CT-VKS-VL ngày 11/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đặng Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thừa nhận dùng gậy gập ba khúc bằng kim loại vọt nhiều phát gây ra thương tích cho ông V.

- Bị cáo có thái độ thành khẩn xin lỗi ông V đồng thời xin ông V, bà N, anh C, chị L xem xét giảm mức yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với bị cáo.

- Ông V yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổng số 130.000.000đ.

- Bà N vợ ông V yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mất thu nhập trong thời gian nghỉ làm để chăm sóc ông V điều trị thương tích, tổng số tiền là 20.000.000đ.

- Anh C xác định anh là người bỏ các khoản tiền để khám chữa, điều trị thương tích cho ông V.

- Chị L xác định chị cùng mẹ là bà N và anh C cùng chăm lo cho ông V trong thời gian điều trị, phục hồi thương tích.

- Anh C, chị L nhất trí với số tiền ông V, bà N yêu cầu bị cáo T phải bồi thường.

- Ông V, bà N, chị L và anh C chấp nhận lời xin lỗi của bị cáo T và chị T2. Số tiền yêu cầu bị cáo phải bồi thường, ông V, bà N, anh C, chị L tự nguyện cho bị cáo toàn bộ, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đồng thời ông V xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đồng thời đề nghị HĐXX:

Về điều luật áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 21/6/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị cáo đã thống nhất thỏa thuận tại phiên tòa nên không đặt ra giải quyết. Đồng thời đại diện Viện kiểm sát đề nghị giải quyết về vật chứng và án phí trong vụ án.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tội danh và hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo ở quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của người bị hại, với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ để kết luận: Vào hồi 20 giờ 45 phút ngày 11/11/2023, tại cánh đồng

thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Đặng Văn T đã có hành vi dùng gậy rút 03 khúc bằng kim loại là hung khí nguy hiểm vọt vào vùng đầu, tay trái và người của ông Nguyễn Tiến V gây thương tích cho ông V. Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể số 1805/KL-KTHS ngày 29/3/2024 của V2 Bộ C3 đối với ông Nguyễn Tiến V, kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20%, cơ chế hình thành thương tích do vật tày gây ra. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm đã truy tố bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác là khách thể được luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được gây thương tích cho bị hại là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Lẽ ra khi biết được giữa chị T2 và ông V có nhắn tin hẹn hò để quan hệ tình dục bị cáo cần lựa chọn cách giải quyết văn minh, đúng pháp luật để chấm dứt quan hệ giữa hai người nhưng bị cáo lại thích giải quyết bằng vũ lực. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tuy nhiên cũng xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có bốn con nhỏ, ba cháu đang ở độ tuổi đi học, một cháu mới sinh năm 2024; kinh tế gia đình khó khăn; mẹ đẻ bị cáo đã lớn tuổi. Xét thấy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.2]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa ông V, bà N, anh C và chị L đã tự nguyện cho bị cáo toàn bộ số tiền mà gia đình yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do vậy không cần đặt ra để giải quyết về trách nhiệm dân sự trong vụ án.

[2.3] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 đôi dép nhựa, màu trắng, kích thước (19x25) cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc dây chun có màu hồng đen, có chiều dài 02cm, một đầu được thắt nút thành vòng tròn; 01 chiếc quần đùi, màu xanh có 03 sọc kẻ màu xanh, chiều dài một ống quần là 40cm và 01 chiếc áo dài tay, màu trắng phía trước có hình con vật và chữ “Dearbaby”; 01 chiếc chiếu cói hình chữ nhật có viền màu đỏ, kích thước (1,8x1,6)

m; 01 thiết bị định vị xe, màu đen. Những đồ vật này đều đã cũ, không còn giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc gậy bằng kim loại, bên ngoài bọc màu đen, hai đầu gậy màu vàng và phần còn lại sau giám định của mẫu máu ghi thu của Nguyễn Tiến V. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen, số IMEI 1:860270049759978, số IMEI 2:860270049759960, lắp sim số điện thoại 0868.992.321. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu phát mại lấy tiền sung Ngân sách nhà nước.

Đối với: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Super Dream, màu trắng, số máy JA27E-0064725, BKS: 89L1-225.26; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12, màu xanh, số IMEI 1: 8650734444577670, số IMEI 2: 865073044457662, lắp sim số điện thoại 0384.047.887. Những tài sản này trả lại cho chị Nguyễn Thị T2.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu xám, số IMEI 359487080942507, không lắp sim điện thoại; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, lắp sim số điện thoại 0984.242.845 và 0386.605.054. Những chiếc điện thoại này bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc đồng hồ đeo tay có dây đeo bằng kim loại, màu vàng, đã qua sử dụng là tài sản của ông Nguyễn Tiến V nên trả lại cho ông V.

Xét một số nội dung khác trong vụ án:

Đối với việc chị T2 trình bày bị ông V dọa, ép T2 quan hệ tình dục trái ý muốn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ T2 chủ động liên hệ trước cho ông V và cả hai thống nhất gặp nhau để quan hệ tình dục ở cánh đồng thôn N, xã L, không có sự ép buộc, trái ý muốn. Các kết luận giám định cũng cho thấy không có dấu hiệu của việc chị T2 bị ông V xâm hại tình dục. Do đó, cơ quan điều tra không xử lý ông V về hành vi Hiếp dâm là đúng.

Đối với việc ông V trình bày T bắt ông V phải trả tiền thì T mới tha cho. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị T2 và bị cáo T không thừa nhận và xác định việc đặt vấn đề trả tiền là do ông V tự nói, T không yêu cầu và không đặt ra vấn đề đó. Như vậy, ngoài lời khai của ông V thì không còn tài liệu, chứng cứ nào chứng minh T có hành vi cưỡng đoạt tài sản của ông V. Do vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện V không xử lý đối với T về hành vi này là có căn cứ.

Đối với việc ông V trình bày bị T chiếm đoạt chiếc điện thoại. Quá trình điều tra, Công an xã L đến kiểm tra, xác minh sự việc tại hiện trường có T, chị T2, ông V, quá trình kiểm tra hiện trường không phát hiện chiếc điện thoại của ông V. Chị T2 và T xác định không chiếm đoạt điện thoại của ông V. Như vậy, ngoài lời khai của ông V thì không có tài liệu chứng cứ nào khác. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ nếu có căn cứ sẽ giải quyết sau là có cơ sở.

[5] Tại phiên tòa, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] **Về án phí:** bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
2. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 02 năm 09 tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 21/6/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết.
4. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:
Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy đối với những đồ vật sau: 01 đôi dép nhựa, màu trắng (*loại dép tổ ong*), kích thước (19x25) cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc dây chun có màu hồng đen, có chiều dài 02cm, một đầu được thắt nút thành vòng tròn. (Mẫu vật niêm phong ký hiệu M1); 01 chiếc quần đùi, màu xanh (kiểu quần bộ đội), có 03 sọc kẻ màu xanh, chiều dài một ống quần là 40cm và 01 chiếc áo dài tay, màu trắng (kiểu áo thu đông) phía trước có hình con vật và chữ “Dearbaby”. (Mẫu vật niêm phong ký hiệu M2); 01 chiếc chiếu cói hình chữ nhật có viền màu đỏ, kích thước (1,8x1,6) m. (Mẫu vật niêm phong ký hiệu M3); 01 chiếc gậy bằng kim loại, bên ngoài bọc màu đen, hai đầu gậy màu vàng và phần còn lại sau giám định của mẫu máu ghi thu của Nguyễn Tiến V. (Mẫu vật niêm phong hoàn lại sau giám định của V2 Bộ C3); 01 thiết bị định vị xe, màu đen, kích thước (6,5x2x1) cm, trên bề mặt thiết bị có chữ ID 7801112131, bên trong lắp sim điện thoại, trên mặt sim có 03 số cuối là 503, được niêm phong trong phong bì thư dán kín ký hiệu “Định vị xe”.

Tịch thu phát mại lấy tiền sung Ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen, số IMEI 1: 860270049759978, số IMEI 2: 860270049759960, lắp sim số điện thoại 0868.992.321. (Được niêm phong ký hiệu “ĐT Thủy 1”).

Trả lại cho chị Nguyễn Thị T2: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Super Dream, màu trắng, số máy JA27E-0064725, BKS: 89L1-225.26. (Được niêm phong ký hiệu “Xe Thảo”); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12, màu xanh, số

IMEI 1: 8650734444577670, số IMEI 2: 865073044457662, lắp sim số điện thoại 0384.047.887.

Trả lại cho Đặng Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu xám, số IMEI 359487080942507, không lắp sim điện thoại; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, lắp sim số điện thoại 0984.242.845 và 0386.605.054.

Trả lại cho ông Nguyễn Tiến V 01 chiếc đồng hồ đeo tay có dây đeo bằng kim loại, màu vàng, đã qua sử dụng.

[4]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Văn Lâm;
- Công an huyện Văn Lâm;
- Chi cục THADS huyện Văn Lâm;
- Bị cáo; Bị hại; Người có qlnvlg;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Thắng